Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9004.10.00

Mã HS	9004.10.00
Mô tả hàng hóa	Kính đeo, kính bảo hộ và các loại tương tự, kính thuốc, kính bảo vệ mắt hoặc loại khác / - Kính râm
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	04/11/2026 16:17:03
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90041000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17943
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17943
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17943
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	8	8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17244
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17173
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17173
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17173
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17173
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17173
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17173
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E17229
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17229

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17229
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17229
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17229
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17229
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17230
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17230
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17230
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17230
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17230
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17230
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17235
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17191
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17187
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17187
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17187
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17187
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17187
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17187
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17233
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17233
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17233
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17233
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17233
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17233
VCFTA	2022	2022	4	VC!D17295
VCFTA	2023	2023	2	VC!E17295

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17295
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17295
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17295
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17295
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17271
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17271
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17271
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17271
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17271
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17271
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D17266
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E17266
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F17266
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G17266
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H17266
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17266
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D17296
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17296
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17296
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17296
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17296
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17296
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D17295
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17295
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17295
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17295

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17295
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17295
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17389
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17389
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17389
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17389
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17389
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17389
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17389
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17258
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17258
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17258
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17258
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17258
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17258
RCEP B	2022	2022	0	B!D17258
RCEP B	2023	2023	0	B!E17258
RCEP B	2024	2024	0	B!F17258
RCEP B	2025	2025	0	B!G17258
RCEP B	2026	2026	0	B!H17258
RCEP B	2027	2027	0	B!I17258
RCEP C	2022	2022	0	C!D17256
RCEP C	2023	2023	0	C!E17256
RCEP C	2024	2024	0	C!F17256
RCEP C	2025	2025	0	C!G17256
RCEP C	2026	2026	0	C!H17256

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17256
RCEP D	2022	2022	0	D!D17255
RCEP D	2023	2023	0	D!E17255
RCEP D	2024	2024	0	D!F17255
RCEP D	2025	2025	0	D!G17255
RCEP D	2026	2026	0	D!H17255
RCEP D	2027	2027	0	D!I17255
RCEP E	2022	2022	0	E!D17259
RCEP E	2023	2023	0	E!E17259
RCEP E	2024	2024	0	E!F17259
RCEP E	2025	2025	0	E!G17259
RCEP E	2026	2026	0	E!H17259
RCEP E	2027	2027	0	E!I17259
RCEP F	2022	2022	0	F!D17258
RCEP F	2023	2023	0	F!E17258
RCEP F	2024	2024	0	F!F17258
RCEP F	2025	2025	0	F!G17258
RCEP F	2026	2026	0	F!H17258
RCEP F	2027	2027	0	F!I17258
VIFTA	2024	2024	16	VI!F16185
VIFTA	2025	2025	12	VI!G16185
VIFTA	2026	2026	8	VI!H16185
VIFTA	2027	2027	4	VI!I16185

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9004.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 9004.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17943), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.